

DANH SÁCH BÁO CÁO SỐ LIỆU

Năm học: 2026-2027

STT	Nội dung	Đơn vị	Tổng số	Hiện trạng							
				Kiên cố		Bán kiên cố		Tạm		Nhờ, mượn, thuê	
				Số lượng	Tổng diện tích (m2)	Số lượng	Tổng diện tích (m2)	Số lượng	Tổng diện tích (m2)	Số lượng	Tổng diện tích (m2)
1	A. THÔNG TIN CHUNG										
1.1	Số học sinh	HS	186	x	x	x	x	x	x	x	x
1.1.1	Số học sinh điểm trường chính	HS	186	x	x	x	x	x	x	x	x
1.1.2	Số học sinh điểm trường phụ	HS	0	x	x	x	x	x	x	x	x
1.2	Diện tích đất	m2	494	x	x	x	x	x	x	x	x
1.3	Diện tích đất/học sinh	m2/học sinh	2.66	x	x	x	x	x	x	x	x
1.4	Diên tích xây dựng	m2	1,902	x	x	x	x	x	x	x	x
1.5	Số điểm trường	điểm	0	x	x	x	x	x	x	x	x
1.6	Số lớp	lớp	9	x	x	x	x	x	x	x	x
1.6.1	Số lớp điểm trường chính	lớp	9	x	x	x	x	x	x	x	x
1.6.2	Số lớp điểm trường phụ	lớp	0	x	x	x	x	x	x	x	x
1.7	Số cán bộ quản lý	CBQL	1	x	x	x	x	x	x	x	x
1.8	Số giáo viên	GV	17	x	x	x	x	x	x	x	x
1.9	Số nhân viên	NV	10	x	x	x	x	x	x	x	x
1.10	Số chỗ trong nhà ăn	chỗ	150	x	x	x	x	x	x	x	x
1.11	Số chỗ trong nhà ở nội trú	chỗ	200	x	x	x	x	x	x	x	x
1.12	Số chỗ trong thư viện	chỗ	30	x	x	x	x	x	x	x	x
2	B. HIỆN TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT										
2.1	1. Khối phòng học tập	phòng	21	21	1,028						
2.1.1	- Phòng học	phòng	17	17	780						
2.1.1.1	Chia ra: + Phòng học tại trường chính	phòng	17	17	780						
2.1.1.2	+ Phòng học tại điểm trường	phòng									
2.1.2	- Phòng học bộ môn Âm nhạc	phòng									
2.1.3	- Phòng học bộ môn Mỹ thuật	phòng									
2.1.4	- Phòng học bộ môn Công nghệ	phòng									
2.1.5	- Phòng học bộ môn Tin học	phòng	1	1	62						
2.1.6	- Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	phòng									
2.1.7	- Phòng đa chức năng	phòng									
2.1.8	- Phòng học bộ môn Vật lý	phòng	1	1	62						
2.1.9	- Phòng học bộ môn Hóa học	phòng	1	1	62						
2.1.10	- Phòng học bộ môn Sinh học	phòng	1	1	62						
2.1.11	- Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	phòng									
2.2	2. Khối phòng hỗ trợ học tập		4	4	145						
2.2.1	- Thư viện	phòng	1	1	60						
2.2.2	- Phòng thiết bị giáo dục	phòng									
2.2.3	- Phòng tư vấn học đường	phòng	1	1	25						
2.2.4	- Phòng truyền thống	phòng	1	1	48						
2.2.5	- Phòng Đoàn Thanh niên	phòng	1	1	12						
2.2.6	Phòng kết hợp phòng truyền thông với Phòng Đoàn Thanh niên (nếu dùng chung)										
2.3	3. Khối hành chính quản trị		3	3	78						
2.3.1	- Phòng Hiệu trưởng	phòng	1	1	15						
2.3.2	- Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng									
2.3.3	- Văn phòng	phòng	1	1	55						
2.3.4	- Phòng bảo vệ	phòng									
2.3.5	- Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	khu	1	1	8						
2.3.6	- Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	khu									
2.4	4. Khối phụ trợ		10	9	238					1	120
2.4.1	- Phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường	phòng	1	1	40						

2.4.2	- Phòng các tổ chuyên môn	phòng									
2.4.3	- Phòng Y tế học đường	phòng	1	1	28						
2.4.4	- Nhà kho	nhà	1	1	50						
2.4.5	- Khu để xe học sinh	khu	1							1	120
2.4.6	- Khu vệ sinh học sinh	khu	5	5	72						
2.4.7	- Phòng nghỉ giáo viên	phòng									
2.4.8	- Phòng giáo viên	phòng	1	1	48						
2.4.9	- Cổng, hàng rào	hàng mục									
2.5	5. Khu sân chơi, thể dục thể thao		2	2	800						
2.5.1	- Sân chơi chung	sân	1	1	600						
2.5.2	- Sân thể dục thể thao	sân	1	1	200						
2.5.3	- Nhà đa năng	nhà									
2.6	6. Khối phục vụ sinh hoạt		5	4	180					1	900
2.6.1	- Nhà bếp	nhà	1	1	60						
2.6.2	- Kho bếp thực phẩm	kho									
2.6.3	- Kho bếp lương thực	kho									
2.6.4	- Kho bếp kết hợp lương thực và thực phẩm	kho	1	1	25						
2.6.5	- Nhà ăn	nhà	1	1	80						
2.6.6	- Nhà ở nội trú học sinh	nhà	1							1	900
2.6.7	- Phòng quản lý học sinh	phòng	1	1	15						
2.6.8	- Phòng sinh hoạt chung	phòng									
2.6.9	- Nhà văn hóa	nhà									
2.7	7. Khối phòng khác		1	1	160						
2.7.1	- Nhà Công vụ (phòng)	phòng									
2.7.2	- Bể bơi	bể									
2.7.3	- Hội trường	phòng	1	1	160						

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hòa

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUỐC TRÍ

DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ CHUẨN MỨC ĐỘ

Năm học: 2026-2027

STT	Các hạng mục công trình	Tiêu chuẩn tối thiểu	Tiêu chuẩn mức độ 1	Tiêu chuẩn mức độ 2	Điều kiện cảnh báo thiếu
1	1. Khối phòng học tập	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	
1.1	- Phòng học	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	
1.2	- Phòng học bộ môn Âm nhạc	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	- Diện tích phòng (m2): 60.00 - Diện tích tiêu chuẩn (m2): 50.63
1.3	- Phòng học bộ môn Mỹ thuật	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	- Diện tích phòng (m2): 60.00 - Diện tích tiêu chuẩn (m2): 50.63
1.4	- Phòng học bộ môn Công nghệ	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	- Diện tích phòng (m2): 60.00 - Diện tích tiêu chuẩn (m2): 50.63
1.5	- Phòng học bộ môn Tin học	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	
1.6	- Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	- Diện tích phòng (m2): 60.00 - Diện tích tiêu chuẩn (m2): 41.33
1.7	- Phòng đa chức năng	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	- Diện tích phòng (m2): 60.00 - Diện tích tiêu chuẩn (m2): 41.33
1.8	- Phòng học bộ môn Vật lý	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	
1.9	- Phòng học bộ môn Hóa học	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	
1.10	- Phòng học bộ môn Sinh học	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	
1.11	- Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	ĐẠT	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	- Diện tích phòng (m2): 60.00 - Diện tích tiêu chuẩn (m2): 31.00
2	2. Khối phòng hỗ trợ học tập	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	
2.1	- Thư viện	ĐẠT	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	- Diện tích phòng đọc Học sinh (m2): 42.00
2.2	- Phòng thiết bị giáo dục	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	- Diện tích phòng (m2): 48.00
2.3	- Phòng tư vấn học đường	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	
2.4	- Phòng Đoàn Thanh niên	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	
2.5	- Phòng truyền thống	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	
3	3. Khối phụ trợ	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	
3.1	- Phòng họp	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	
3.2	- Phòng các tổ chuyên môn	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	- Diện tích phòng (m2): 30.00
3.3	- Phòng y tế trường học	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	
3.4	- Nhà kho	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	
3.5	- Khu để xe học sinh	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	
3.6	- Khu vệ sinh học sinh	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	
3.7	- Phòng nghỉ giáo viên	ĐẠT	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	- Diện tích phòng (m2): 12.00
3.8	- Phòng giáo viên	ĐẠT	ĐẠT	CHƯA ĐẠT	- Diện tích tiêu chuẩn (m2): 20.00
4	4. Khu sân chơi, thể dục thể thao	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	
4.1	- Sân trường	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	
4.2	- Sân thể dục thể thao	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	- Tổng diện tích sân (m2): 134.90
4.3	- Nhà đa năng	ĐẠT	ĐẠT	CHƯA ĐẠT	- Diện tích phòng (m2): 450.00 - Chiều dài sân tập (m2): 24.00 - Chiều rộng sân tập (m2): 12.00
5	5. Khối phục vụ sinh hoạt	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	
5.1	- Nhà bếp	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	
5.2	- Kho bếp thực phẩm	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	
5.3	- Kho bếp lương thực	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	
5.4	- Nhà ăn	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	- Diện tích tiêu chuẩn (m2): 154.30
5.5	- Nhà ở nội trú học sinh	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	- Diện tích tiêu chuẩn (m2): 744.00
5.6	- Phòng quản lý học sinh	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	
5.7	- Phòng sinh hoạt chung	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	- Diện tích phòng (m2): 36.00 - Diện tích tiêu chuẩn (m2): 37.20
5.8	- Nhà văn hóa	ĐẠT	CHƯA ĐẠT	CHƯA ĐẠT	- Diện tích phòng (m2): 148.80

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hòa